

Số: *06* /2023/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày *14* tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;



[Handwritten signature]

Thực hiện Thông báo kết luận số 679-TB/TU ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến hết năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2025.

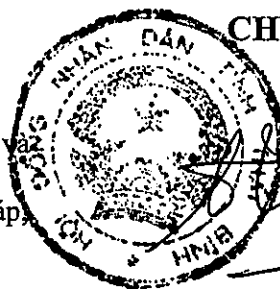
Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. / *lllc*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy; Thường trực Hội đồng nhân dân;
- Ủy ban nhân dân các xã;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, CTHĐ. *lllc*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thành



QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2025**
(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2025 và chính sách hỗ trợ một phần kinh phí bằng kinh phí mua xi măng trong định mức dự toán xây dựng công trình cho tất cả các xã trên địa bàn tỉnh để hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới theo quy định đến năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân huyện thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao; Ủy ban nhân dân xã thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Quy định này.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ bằng tiền cho huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

1. Điều kiện đối với huyện được hỗ trợ

Huyện được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới nâng cao theo quy định tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình nông thôn mới, đảm bảo phù hợp với kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

3. Định mức hỗ trợ

Hỗ trợ 20 (hai mươi) tỷ đồng cho mỗi huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ bằng tiền cho xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

1. Điều kiện đối với xã được hỗ trợ

Xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình nông thôn mới, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

3. Định mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 03 (ba) tỷ đồng cho mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

b) Hỗ trợ 05 (năm) tỷ đồng cho mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ một phần kinh phí bằng kinh phí mua xi măng trong định mức dự toán xây dựng công trình cho tất cả các xã trên địa bàn tỉnh để hoàn thiện nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới theo quy định

1. Điều kiện hỗ trợ

Hỗ trợ những công trình huy động được nguồn lực đầu tư theo hình thức xã hội hóa, có sự tham gia đóng góp của cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân, đảm bảo được nguồn lực đối ứng; không làm phát sinh nợ xây dựng cơ bản.

Công trình đầu tư hoàn thành đảm bảo đúng quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu cần đạt theo quy định để hoàn thiện, nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới và xây dựng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ một phần kinh phí bằng kinh phí mua xi măng trong định mức dự toán xây dựng công trình:

a) Đường giao thông trục thôn làm mới hoặc mở rộng;

b) Đường nhánh cấp 1 của đường giao thông trục thôn làm mới hoặc mở rộng;

c) Đường giao thông nội đồng trục chính;

d) Kênh cấp 1, loại III;

đ) Hệ thống rãnh thoát nước đường trục xã, trục thôn qua khu dân cư tập trung.

3. Định mức hỗ trợ

STT	Công trình được hỗ trợ	Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu cần đạt được	Mức hỗ trợ	
			Định mức xi măng	Quy ra tiền
a	Đường giao thông trục thôn làm mới hoặc mở rộng	Mặt đường rộng 3,5 m, nền đường 5,0 m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M200 dày 16 cm	196 tấn/km	Theo giá xi măng trong công bố giá của Sở Xây dựng tại thời điểm xây dựng công trình
		Trường hợp khó khăn về giải phóng mặt bằng: mặt đường rộng 3,0 m, nền đường 4,0 m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M200, dày 16 cm	168 tấn/km	
		Trường hợp mở rộng thêm mặt đường đối với những tuyến đã được cứng hóa bằng bê tông xi măng nhưng chưa đảm bảo đủ bề rộng mặt đường theo quy định	50 kg/m ²	
b	Đường nhánh cấp 1 của đường giao thông trục thôn làm mới hoặc mở rộng	Mặt đường rộng 3,0 m, nền đường 4,0 m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M200 dày 14 cm	147 tấn/km	
		Trường hợp khó khăn về giải phóng mặt bằng: mặt đường rộng 2,5 m, nền đường 3,5 m; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M200, dày 14 cm	123 tấn/km	
		Trường hợp mở rộng thêm mặt đường đối với những tuyến đã được cứng hóa bằng bê tông xi măng nhưng chưa đảm bảo đủ bề rộng mặt đường theo quy định	50 kg/m ²	
c	Đường giao thông nội đồng trục chính	Bề rộng nền đường 4,5 m; cao trình mặt đường cao hơn so với mặt ruộng 0,3 m; hai bên đường xây tường; dưới mặt ruộng có móng rộng 0,22 m, cao 0,20 m; tường trên mặt ruộng rộng 0,11 m cao 0,14 m; mặt đường bê tông xi măng M200, rộng 3,5 m, dày 14 cm	194 tấn/km	
d	Kênh cấp 1, loại III	Tường gạch xây M75 dày 22 cm, đáy bằng bê tông cốt thép M200 dày 10 cm hoặc sử dụng sản phẩm bê tông thành mỏng, theo loại kênh như sau:		
		- Loại kênh có B = 0,7 m x 0,9 m	136 tấn/km	
		- Loại kênh có B = 0,9 m x 1,1 m	164 tấn/km	
		- Loại kênh có B = 0,9 m x 1,2 m	172 tấn/km	
đ	Hệ thống rãnh thoát nước đường trục xã, trục thôn qua khu dân cư tập trung	Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ngành địa phương xây dựng định mức hỗ trợ để làm cơ sở hỗ trợ kinh phí bằng kinh phí mua xi măng trong định mức dự toán xây dựng công trình		



Handwritten signature

